

BÁO CÁO THỐNG KÊ VỚI DATA REPORT

Biên soạn: **ThS. Nguyễn Thị Anh Thư**

1

NỘI DUNG

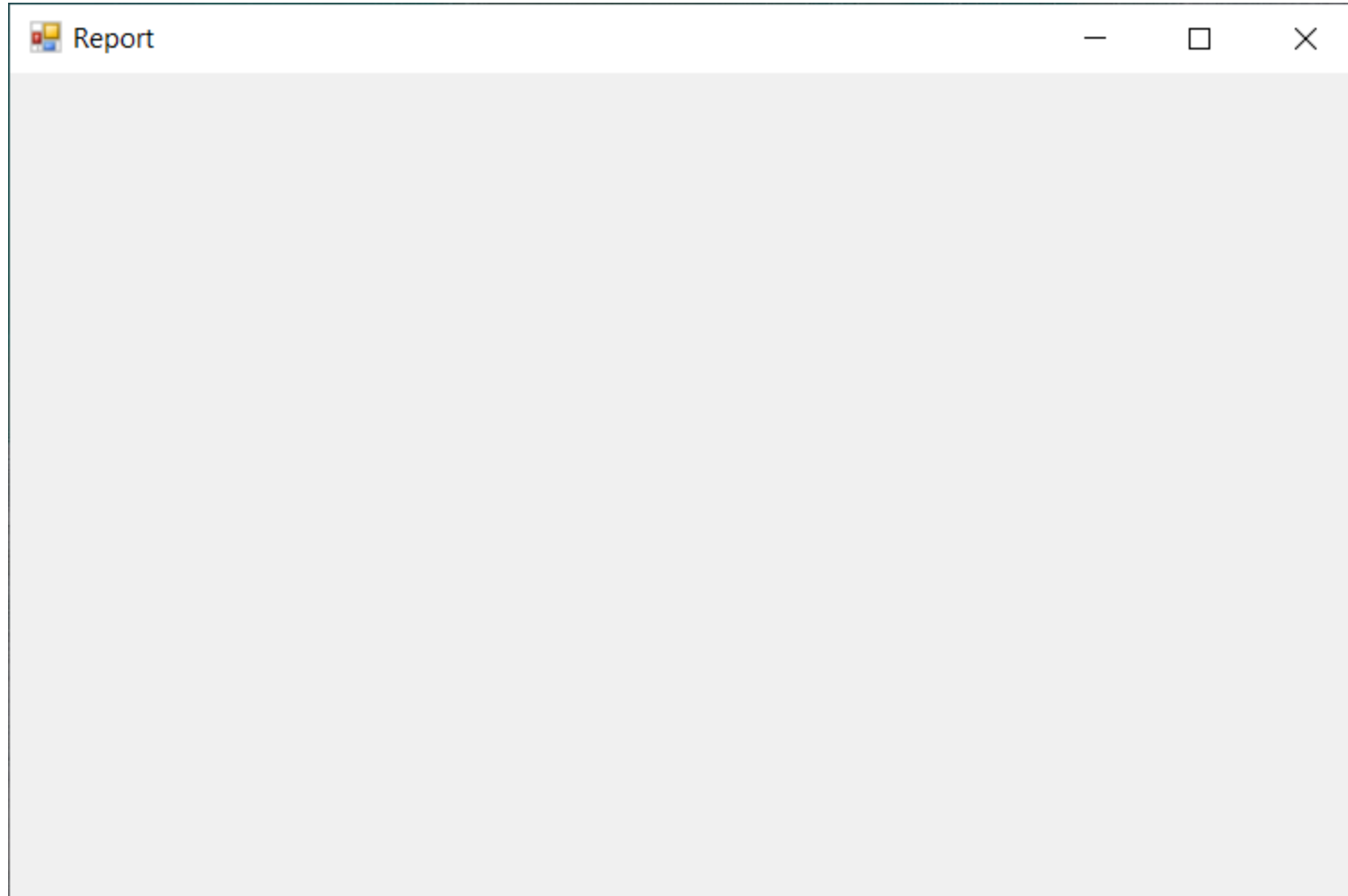
1. Các bước tạo Data Report
2. Tùy chỉnh trong RDLC Report

1. CÁC BƯỚC TẠO DATA REPORT

- **Bước 1:** Tạo chương trình ứng dụng quản lý cần xuất report file.
- **Bước 2:** Tạo file RDLC Report.
- **Bước 3:** Thiết kế file RDLC Report.
- **Bước 4:** Add Dataset trong file RDLC Report.
 - Lấy Dataset từ Object.
 - Lấy Dataset từ Database.
- **Bước 5:** Sử dụng ReportViewer để gọi file RDLC Report vừa thiết kế.

1. CÁC BƯỚC TẠO DATA REPORT

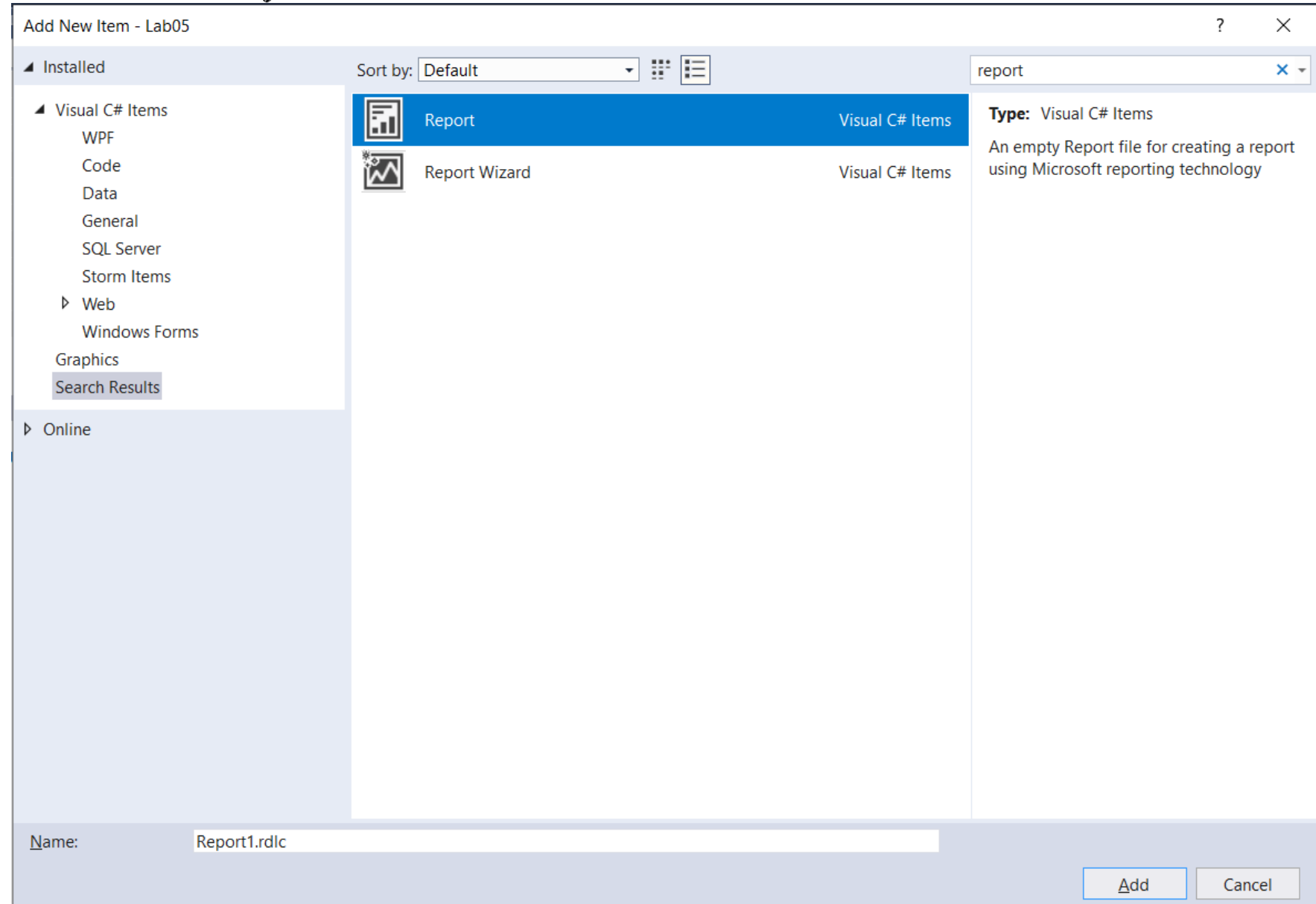
Bước 1: Tạo chương trình ứng dụng quản lý cần xuất report file.



1. CÁC BƯỚC TẠO DATA REPORT

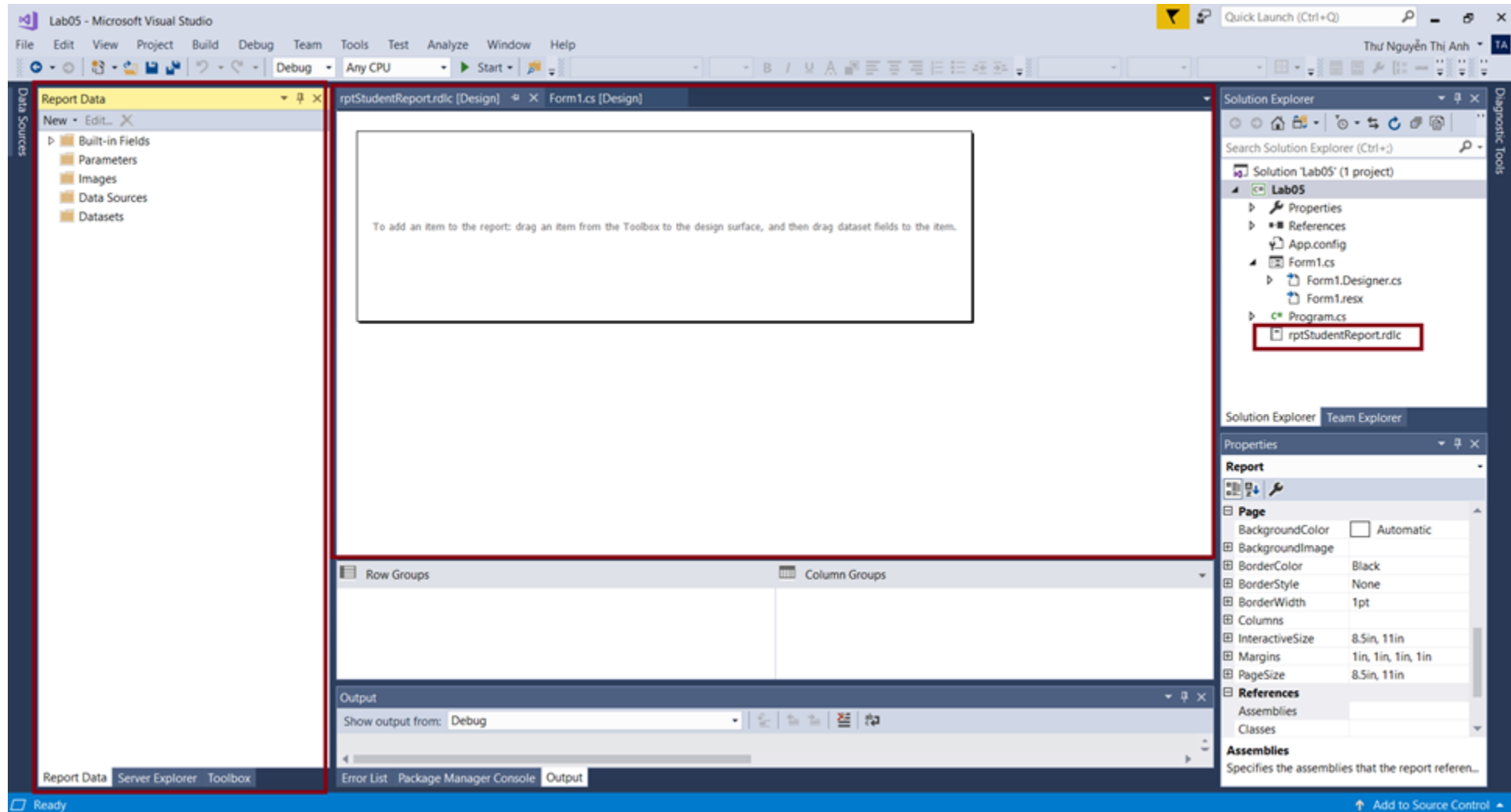
Bước 2: Tạo file RDLC Report.

- Add → New Item ... → Report.



1. CÁC BƯỚC TẠO DATA REPORT

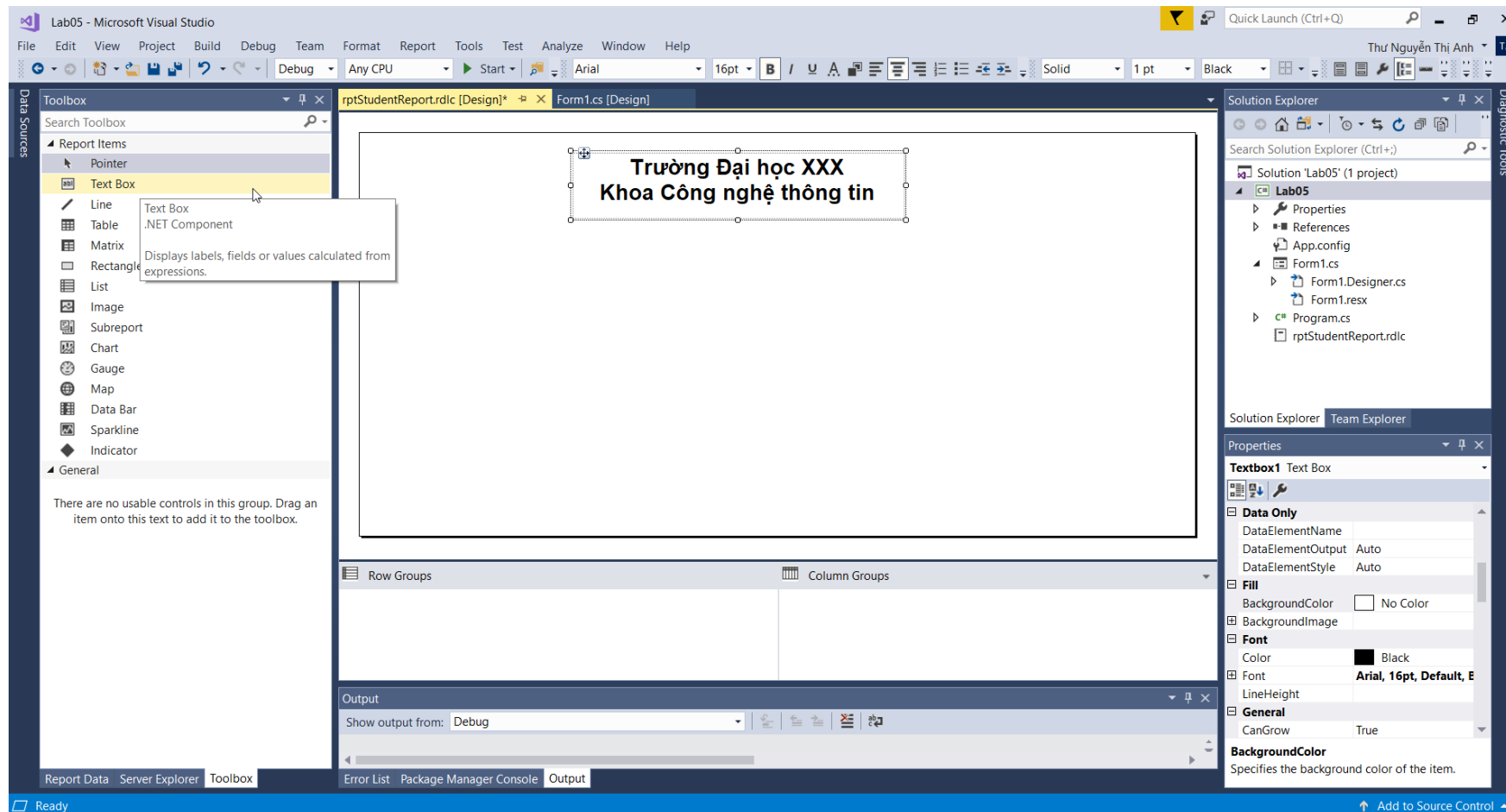
Bước 2: Tạo file RDLC Report.



1. CÁC BƯỚC TẠO DATA REPORT

Bước 3: Thiết kế file RDLC Report.

- Sử dụng các control được hỗ trợ trong Toolbox để thiết kế mẫu Report.



1. CÁC BƯỚC TẠO DATA REPORT

Trường hợp 1: Lấy Dataset từ Object.

Bước 4: Add Dataset trong file RDLC Report.

- **Xây dựng Class** → Khởi tạo Object và gán giá trị → Tạo Dataset từ Object → Tạo control Table để nhận giá trị thống kê.

```
public class Student
{
    2 references
    public string StudentID { get; set; }
    2 references
    public string FullName { get; set; }
    2 references
    public DateTime Birthday { get; set; }
    2 references
    public string Address { get; set; }
    1 reference
    public Student()
    {
    }
    0 references
    public Student(string id, string name, DateTime dtBirthday, string add)
    {
        StudentID = id;
        FullName = name;
        Birthday = dtBirthday;
        Address = add;
    }
}
```


1. CÁC BƯỚC TẠO DATA REPORT

Trường hợp 1: Lấy Dataset từ Object.

Bước 4: Add Dataset trong file RDLC Report.

- Xây dựng Class → **Khởi tạo Object và gán giá trị** → Tạo Dataset từ Object → Tạo control Table để nhận giá trị thống kê.

```
public List<Student> GetTempListStudent()
{
    List<Student> listStudent = new List<Student>();
    for (int i = 0; i < 10; i++)
    {
        Student temp = new Student();
        temp.StudentID = "CNTT0120" + i;
        temp.FullName = "Nguyễn Văn " + i;
        temp.Birthday = new DateTime(2000, 1, 1);
        temp.Address = "Địa chỉ " + i;

        listStudent.Add(temp);
    }
    return listStudent;
}

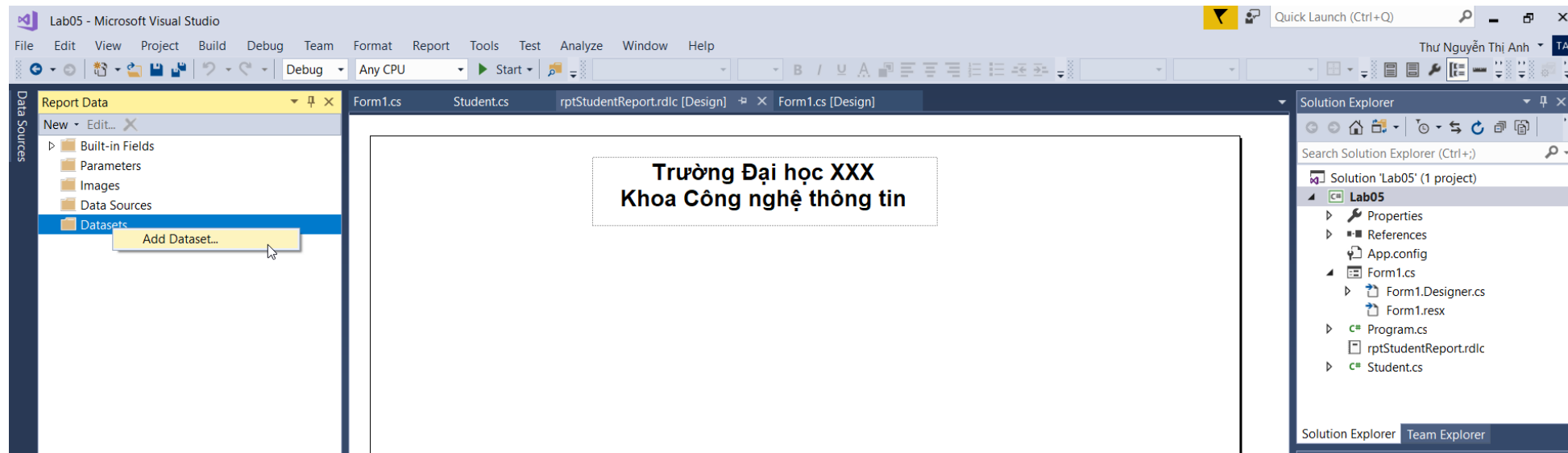
1 reference
private void frmReport_Load(object sender, EventArgs e)
{
    List<Student> listStudent = GetTempListStudent();
}
```

1. CÁC BƯỚC TẠO DATA REPORT

Trường hợp 1: Lấy Dataset từ Object.

Bước 4: Add Dataset trong file RDLC Report.

- Xây dựng Class → Khởi tạo Object và gán giá trị → **Tạo Dataset từ Object** → Tạo control Table để nhận giá trị thống kê.

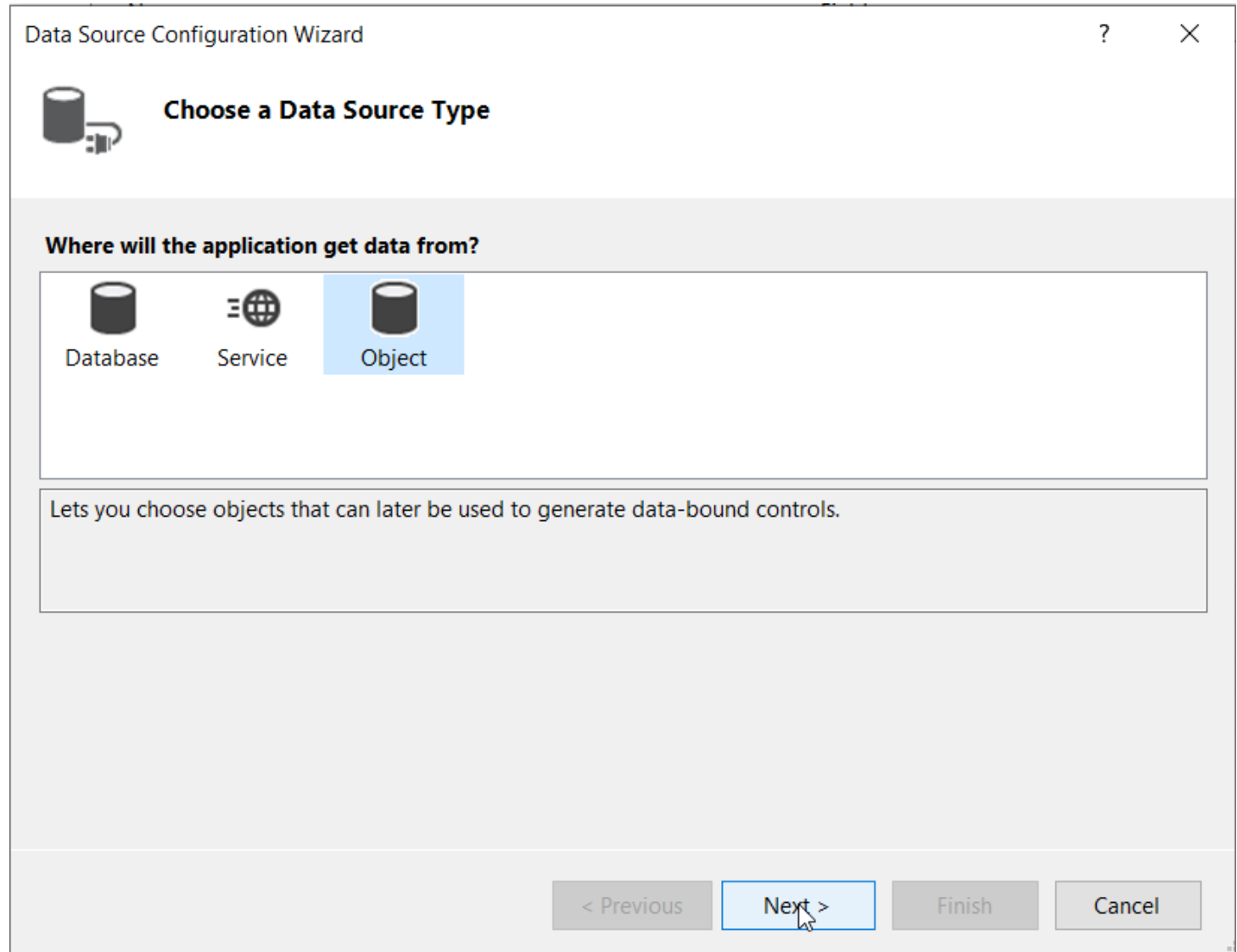


1. CÁC BƯỚC TẠO DATA REPORT

Trường hợp 1: Lấy Dataset từ Object.

Bước 4: Add Dataset trong file RDLC Report.

- Xây dựng Class → Khởi tạo Object và gán giá trị → **Tạo Dataset từ Object** → Tạo control Table để nhận giá trị thống kê.

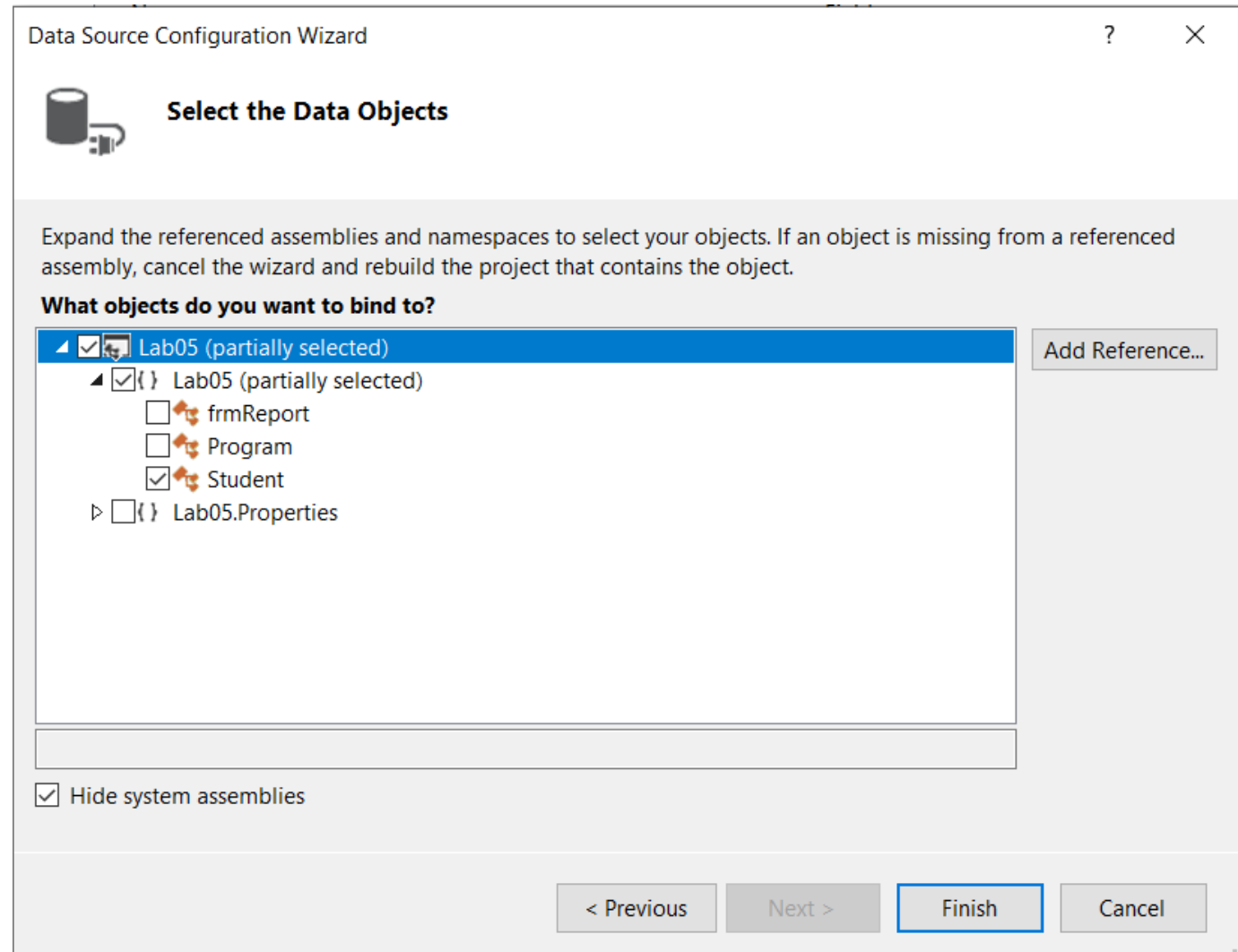


1. CÁC BƯỚC TẠO DATA REPORT

Trường hợp 1: Lấy Dataset từ Object.

Bước 4: Add Dataset trong file RDLC Report.

- Xây dựng Class → Khởi tạo Object và gán giá trị → **Tạo Dataset từ Object** → Tạo control Table để nhận giá trị thống kê.



1. CÁC BƯỚC TẠO DATA REPORT

Trường hợp 1: Lấy Dataset từ Object.

Bước 4: Add Dataset trong file RDLC Report.

- Xây dựng Class → Khởi tạo Object và gán giá trị → **Tạo Dataset từ Object** → Tạo control Table để nhận giá trị thống kê.

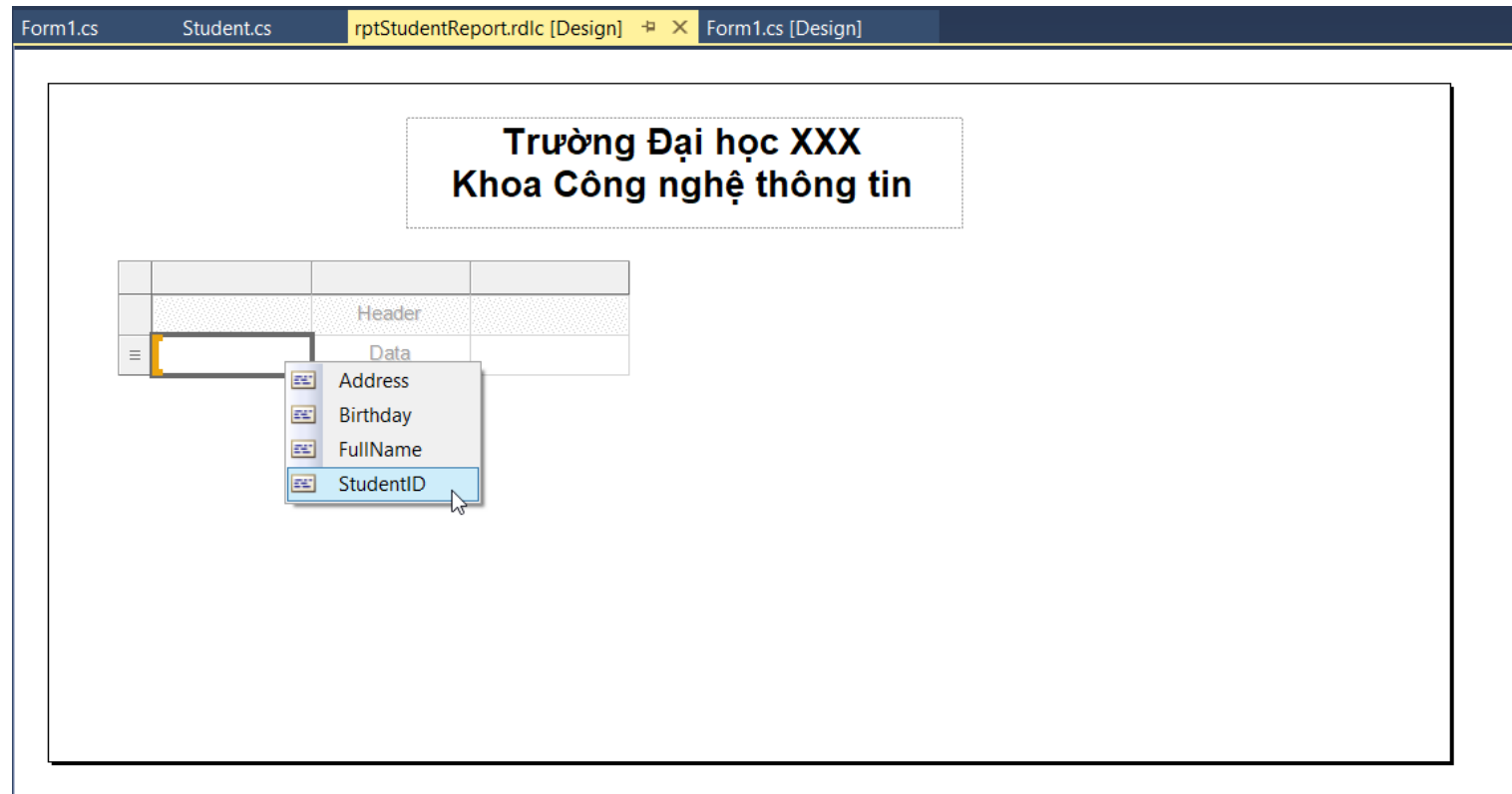
[illegible]

1. CÁC BƯỚC TẠO DATA REPORT

Trường hợp 1: Lấy Dataset từ Object.

Bước 4: Add Dataset trong file RDLC Report.

- Xây dựng Class → Khởi tạo Object và gán giá trị → Tạo Dataset từ Object → **Tạo control Table để nhận giá trị thống kê.**



1. CÁC BƯỚC TẠO DATA REPORT

Trường hợp 1: Lấy Dataset từ Object.

Bước 4: Add Dataset trong file RDLC Report.

- Xây dựng Class → Khởi tạo Object và gán giá trị → Tạo Dataset từ Object → Tạo control Table để nhận giá trị thống kê.

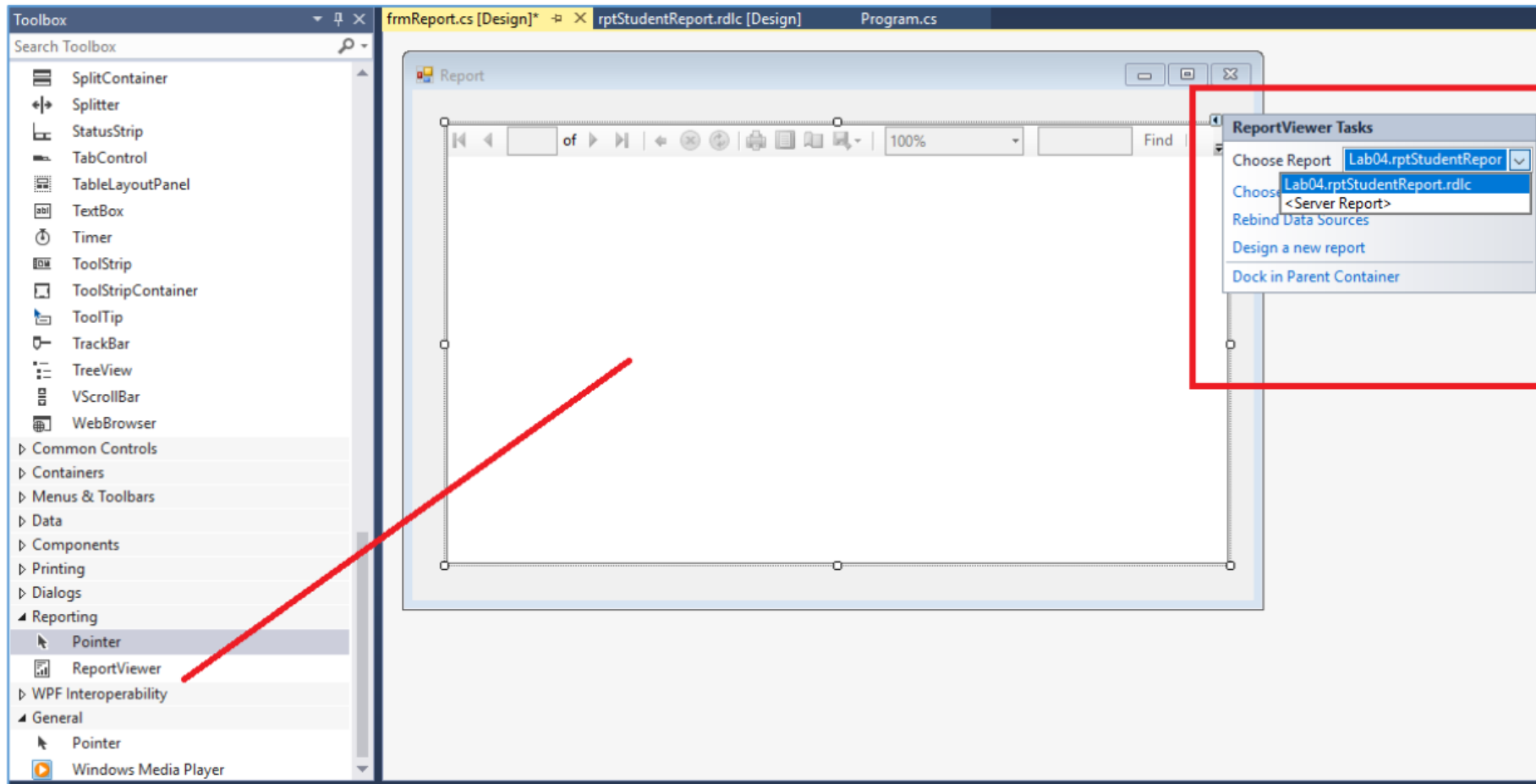
The screenshot shows a Visual Studio window with the 'rptStudentReport.rdlc [Design]' file open. The report design area contains a header box with the text 'Trường Đại học XXX' and 'Khoa Công nghệ thông tin'. Below the header is a table with four columns: 'MSSV', 'Họ tên', 'Ngày sinh', and 'Địa chỉ'. The table has two rows: the first row contains the field names, and the second row contains the corresponding dataset field names in brackets: '[StudentID]', '[FullName]', '[Birthday]', and '[Address]'.

MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Địa chỉ
[StudentID]	[FullName]	[Birthday]	[Address]

1. CÁC BƯỚC TẠO DATA REPORT

Trường hợp 1: Lấy Dataset từ Object.

Bước 5: Sử dụng ReportViewer để gọi file RDLC Report vừa thiết kế.



1. CÁC BƯỚC TẠO DATA REPORT

Trường hợp 1: Lấy Dataset từ Object.

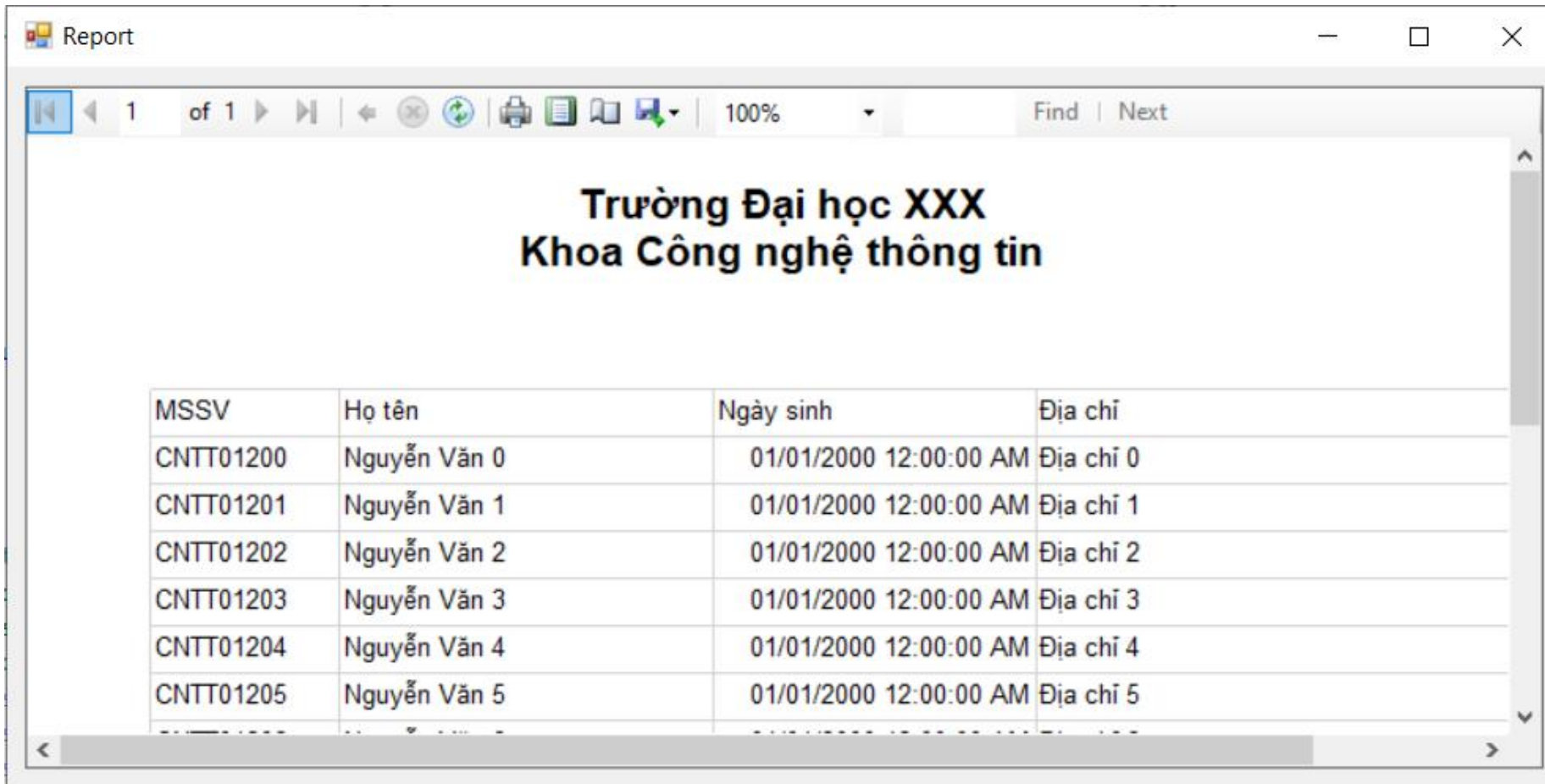
Bước 5: Sử dụng ReportViewer để gọi file RDLC Report vừa thiết kế.

```
private void frmReport_Load(object sender, EventArgs e)
{
    List<Student> listStudent = GetTempListStudent();
    //Add Dataset vào control ReportViewer
    //using Microsoft.Reporting.WinForms;
    ReportDataSource rds = new ReportDataSource("DataSetStudent", listStudent);
    this.reportViewer1.LocalReport.DataSources.Clear();
    this.reportViewer1.LocalReport.DataSources.Add(rds);
    this.reportViewer1.RefreshReport();
}
```

1. CÁC BƯỚC TẠO DATA REPORT

Trường hợp 1: Lấy Dataset từ Object.

Bước 5: Sử dụng ReportViewer để gọi file RDLC Report vừa thiết kế.



Report

1 of 1 100% Find | Next

Trường Đại học XXX
Khoa Công nghệ thông tin

MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Địa chỉ
CNTT01200	Nguyễn Văn 0	01/01/2000 12:00:00 AM	Địa chỉ 0
CNTT01201	Nguyễn Văn 1	01/01/2000 12:00:00 AM	Địa chỉ 1
CNTT01202	Nguyễn Văn 2	01/01/2000 12:00:00 AM	Địa chỉ 2
CNTT01203	Nguyễn Văn 3	01/01/2000 12:00:00 AM	Địa chỉ 3
CNTT01204	Nguyễn Văn 4	01/01/2000 12:00:00 AM	Địa chỉ 4
CNTT01205	Nguyễn Văn 5	01/01/2000 12:00:00 AM	Địa chỉ 5

1. CÁC BƯỚC TẠO DATA REPORT

Trường hợp 2: Lấy Dataset từ Database.

Bước 4: Add Dataset trong file RDLC Report.

- **Tạo Database** → Kết nối CSDL → Tạo Dataset từ Database → Tạo control Table để nhận giá trị thống kê.
 - Database: ReportStudent
 - Table: Student

Student	
🔑	StudentID
	FullName
	Birthday
	Address

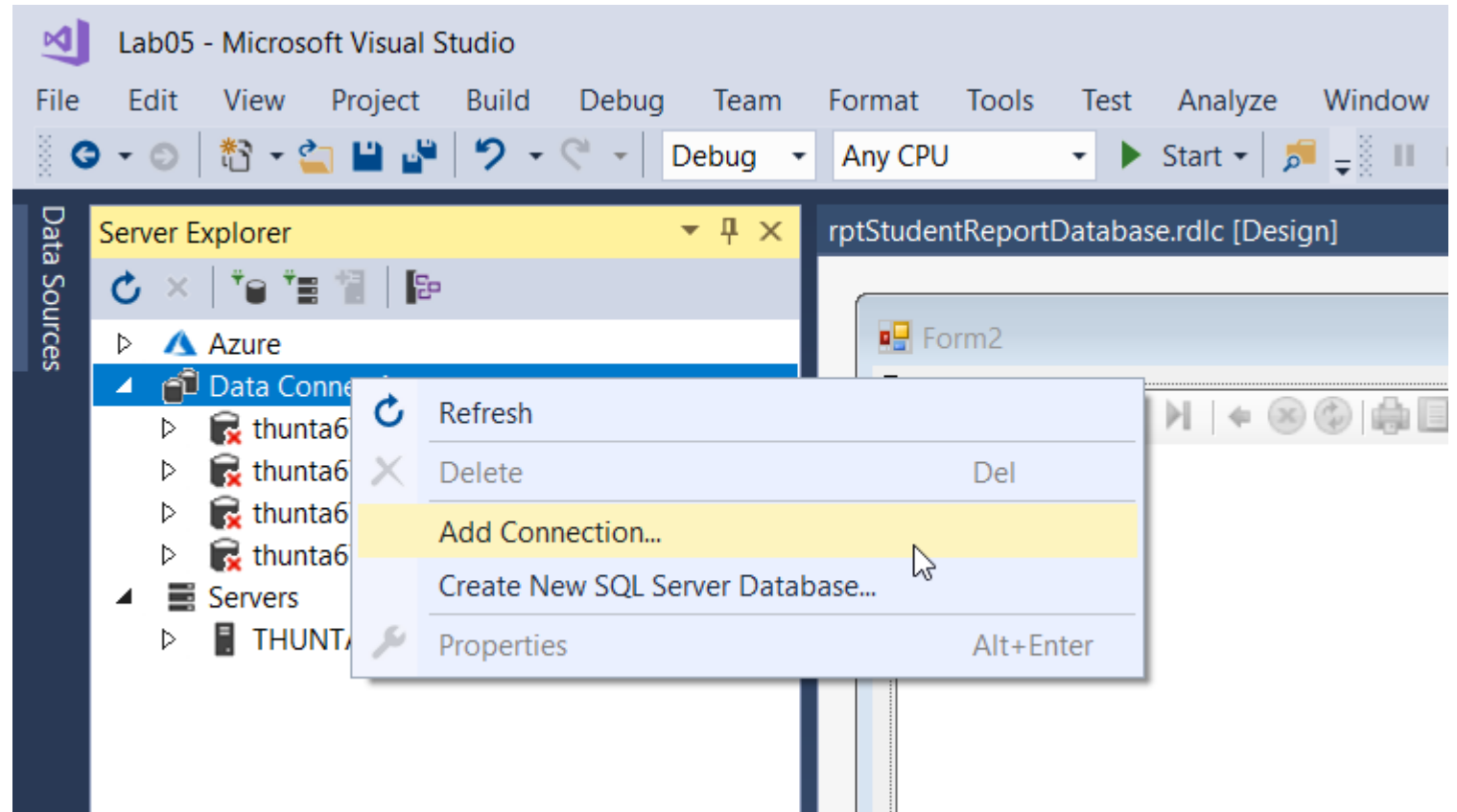
	StudentID	FullName	Birthday	Address
	CNTT01200	Nguyễn Văn 0	2000-01-01 00...	Địa chỉ 0
	CNTT01201	Nguyễn Văn 1	2020-01-01 00...	Địa chỉ 1
	CNTT01202	Nguyễn Văn 2	2020-01-01 00...	Địa chỉ 2
▶*	NULL	NULL	NULL	NULL

1. CÁC BƯỚC TẠO DATA REPORT

Trường hợp 2: Lấy Dataset từ Database.

Bước 4: Add Dataset trong file RDLC Report.

- Tạo Database → **Kết nối CSDL** → Tạo Dataset từ Database → Tạo control Table để nhận giá trị thống kê.

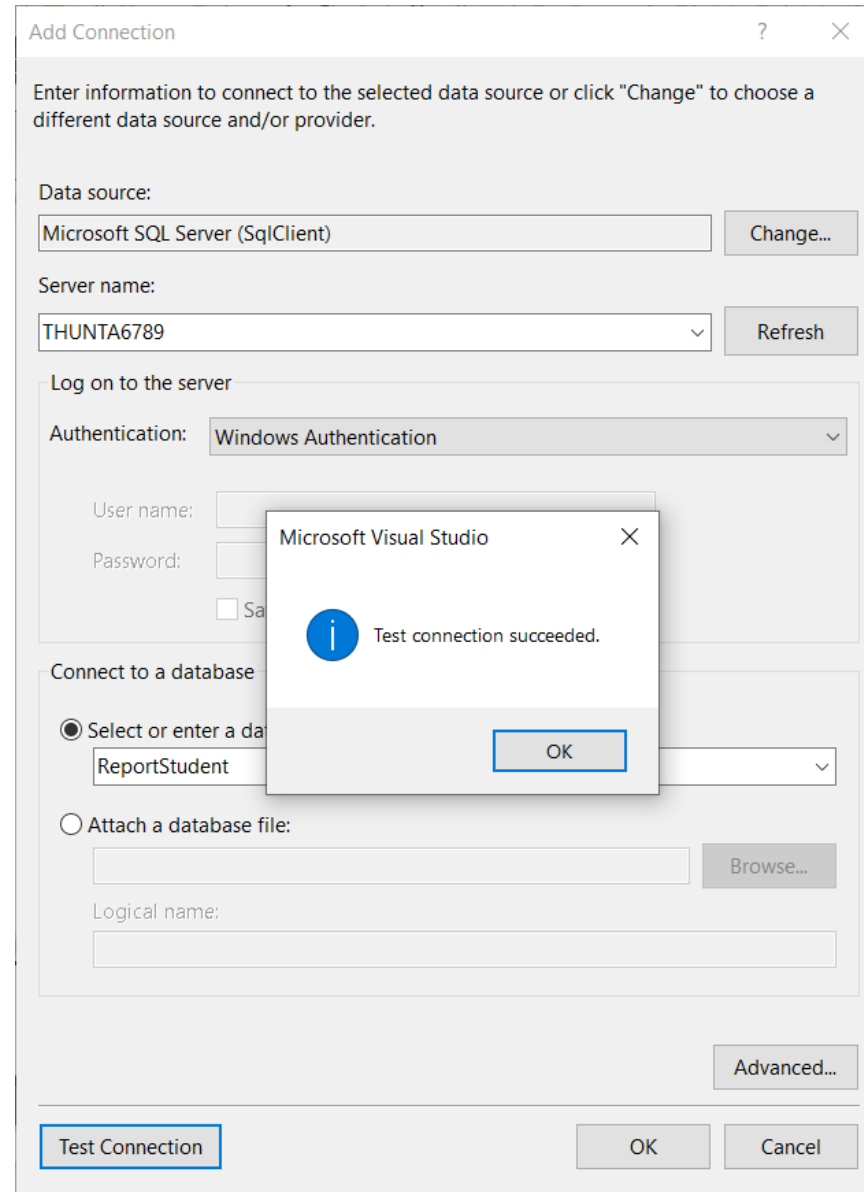


1. CÁC BƯỚC TẠO DATA REPORT

Trường hợp 2: Lấy Dataset từ Database.

Bước 4: Add Dataset trong file RDLC Report.

- Tạo Database → **Kết nối CSDL** → Tạo Dataset từ Database → Tạo control Table để nhận giá trị thống kê.

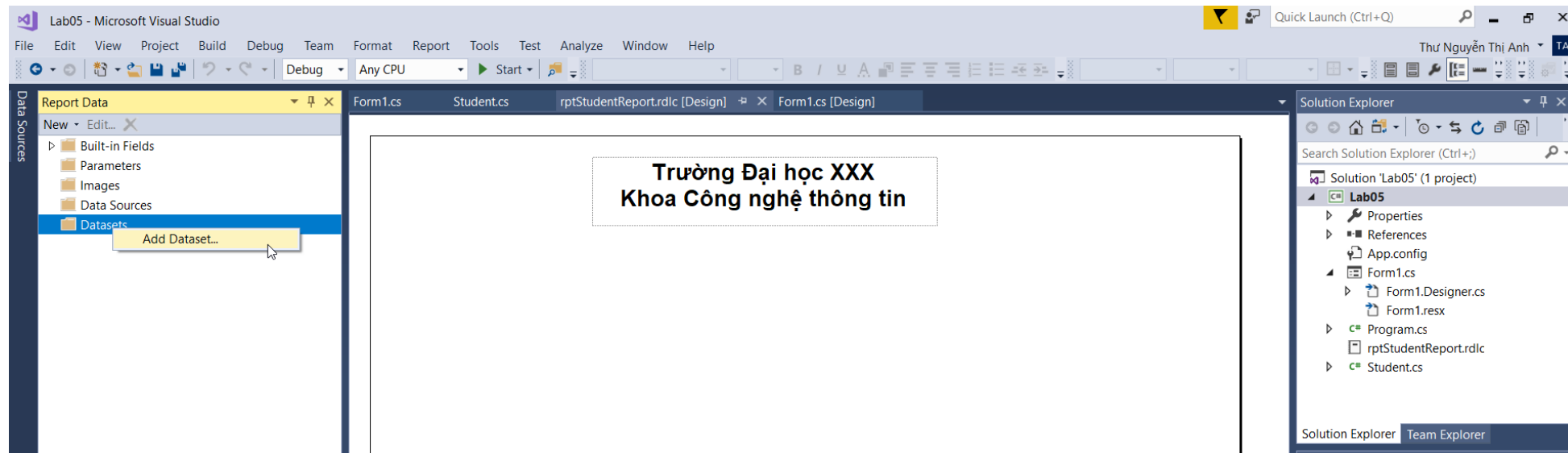


1. CÁC BƯỚC TẠO DATA REPORT

Trường hợp 2: Lấy Dataset từ Database.

Bước 4: Add Dataset trong file RDLC Report.

- Tạo Database → Kết nối CSDL → **Tạo Dataset từ Database** → Tạo control Table để nhận giá trị thống kê.

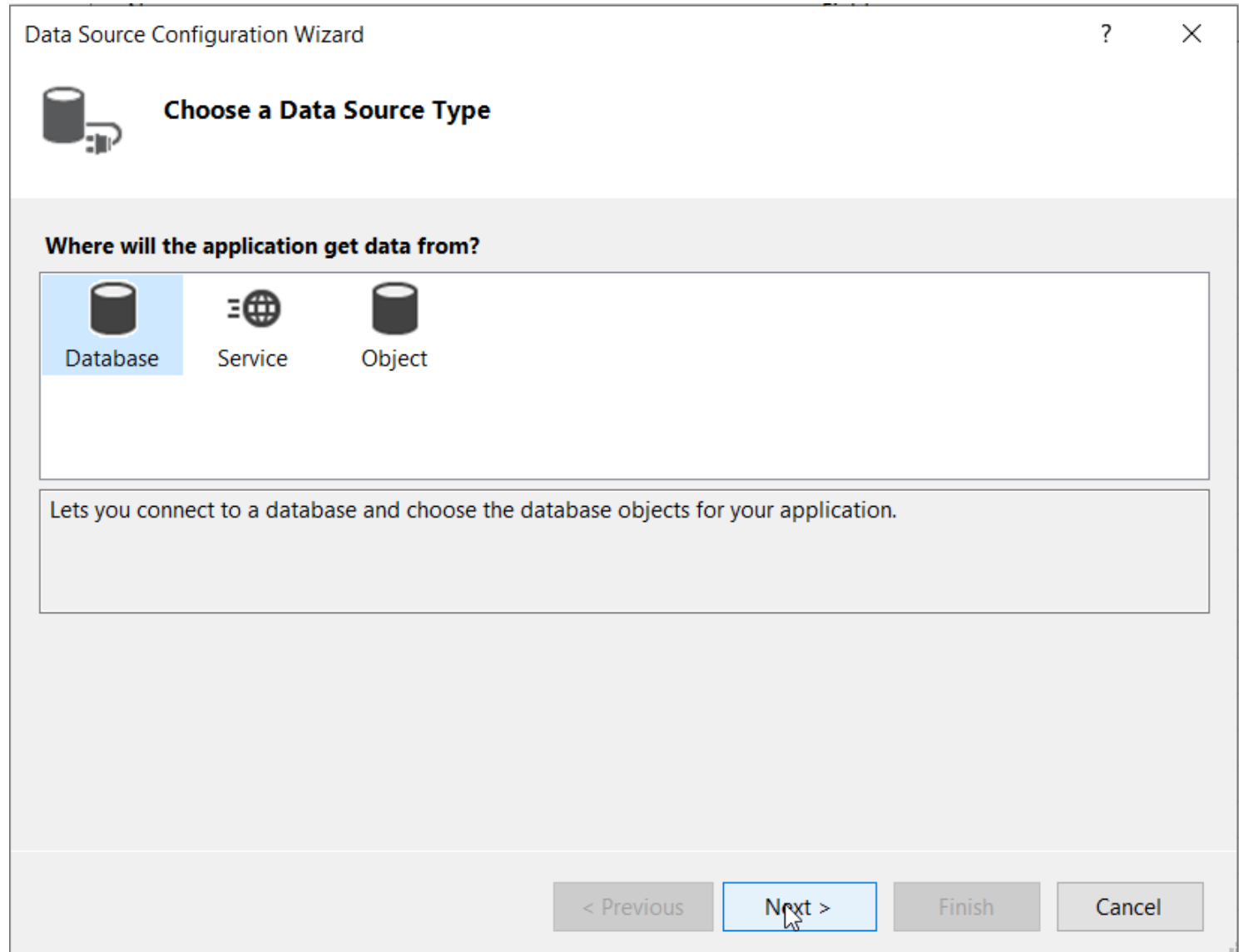


1. CÁC BƯỚC TẠO DATA REPORT

Trường hợp 2: Lấy Dataset từ Database.

Bước 4: Add Dataset trong file RDLC Report.

- Tạo Database → Kết nối CSDL → **Tạo Dataset từ Database** → Tạo control Table để nhận giá trị thống kê.

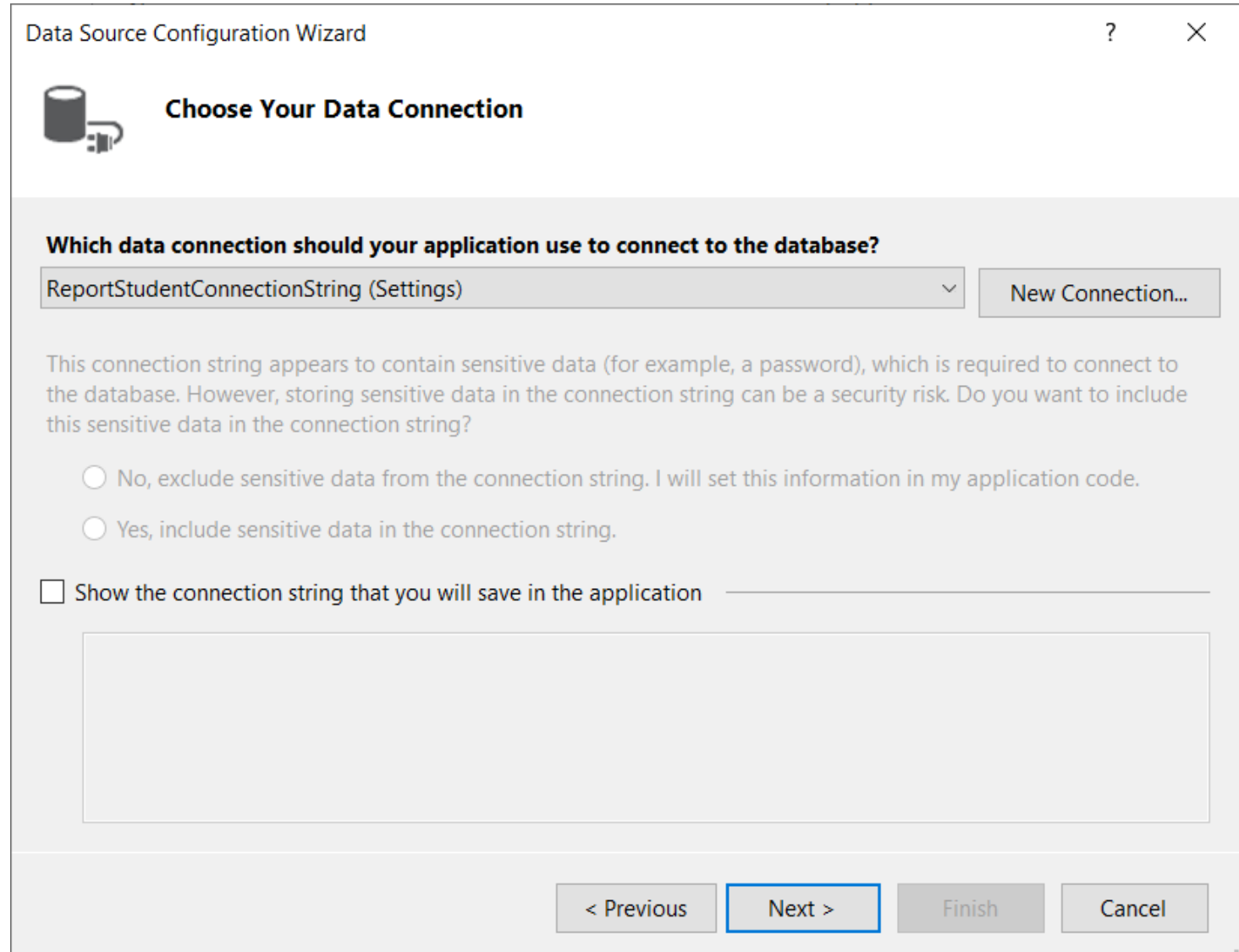


1. CÁC BƯỚC TẠO DATA REPORT

Trường hợp 2: Lấy Dataset từ Database.

Bước 4: Add Dataset trong file RDLC Report.

- Tạo Database → Kết nối CSDL → **Tạo Dataset từ Database** → Tạo control Table để nhận giá trị thống kê.



The screenshot shows the 'Data Source Configuration Wizard' dialog box. The title bar reads 'Data Source Configuration Wizard'. Below the title bar is a header section with a database icon and the text 'Choose Your Data Connection'. The main content area has a question: 'Which data connection should your application use to connect to the database?'. Below this is a dropdown menu showing 'ReportStudentConnectionString (Settings)' and a 'New Connection...' button. A warning message states: 'This connection string appears to contain sensitive data (for example, a password), which is required to connect to the database. However, storing sensitive data in the connection string can be a security risk. Do you want to include this sensitive data in the connection string?'. There are two radio buttons: 'No, exclude sensitive data from the connection string. I will set this information in my application code.' and 'Yes, include sensitive data in the connection string.'. Below these is a checkbox labeled 'Show the connection string that you will save in the application' with an empty text box next to it. At the bottom are four buttons: '< Previous', 'Next >', 'Finish', and 'Cancel'.

1. CÁC BƯỚC TẠO DATA REPORT

Trường hợp 2: Lấy Dataset từ Database.

Bước 4: Add Dataset trong file RDLC Report.

- Tạo Database → Kết nối CSDL → **Tạo Dataset từ Database** → Tạo control Table để nhận giá trị thống kê.

Data Source Configuration Wizard

Choose Your Database Objects

Which database objects do you want in your dataset?

- ☒ Tables
 - ☒ Student
 - ☒ StudentID
 - ☒ FullName
 - ☒ Birthday
 - ☒ Address
 - ☐ Views
 - ☐ Stored Procedures
 - ☐ Functions

DataSet name:
ReportStudentDataSet1

< Previous Next > **Finish** Cancel

1. CÁC BƯỚC TẠO DATA REPORT

Trường hợp 2: Lấy Dataset từ Database.

Bước 4: Add Dataset trong file RDLC Report.

- Tạo Database → Kết nối CSDL → **Tạo Dataset từ Database** → Tạo control Table để nhận giá trị thống kê.

Dataset Properties

- General**

Choose the Dataset

Name:

 DataSetStudentDataSet

1. CÁC BƯỚC TẠO DATA REPORT

Trường hợp 2: Lấy Dataset từ Database.

Bước 4: Add Dataset trong file RDLC Report.

- Tạo Database → Kết nối CSDL → Tạo Dataset từ Database → **Tạo control Table để nhận giá trị thống kê.**

The screenshot shows the design view of an RDLC report. The title bar indicates the report is named 'rptStudentReportDatabase.rdlc' and is currently in 'Design' mode. The report content includes a header box with the following text:

Trường Đại học XXX
Khoa Công nghệ thông tin
Kết nối với CSDL

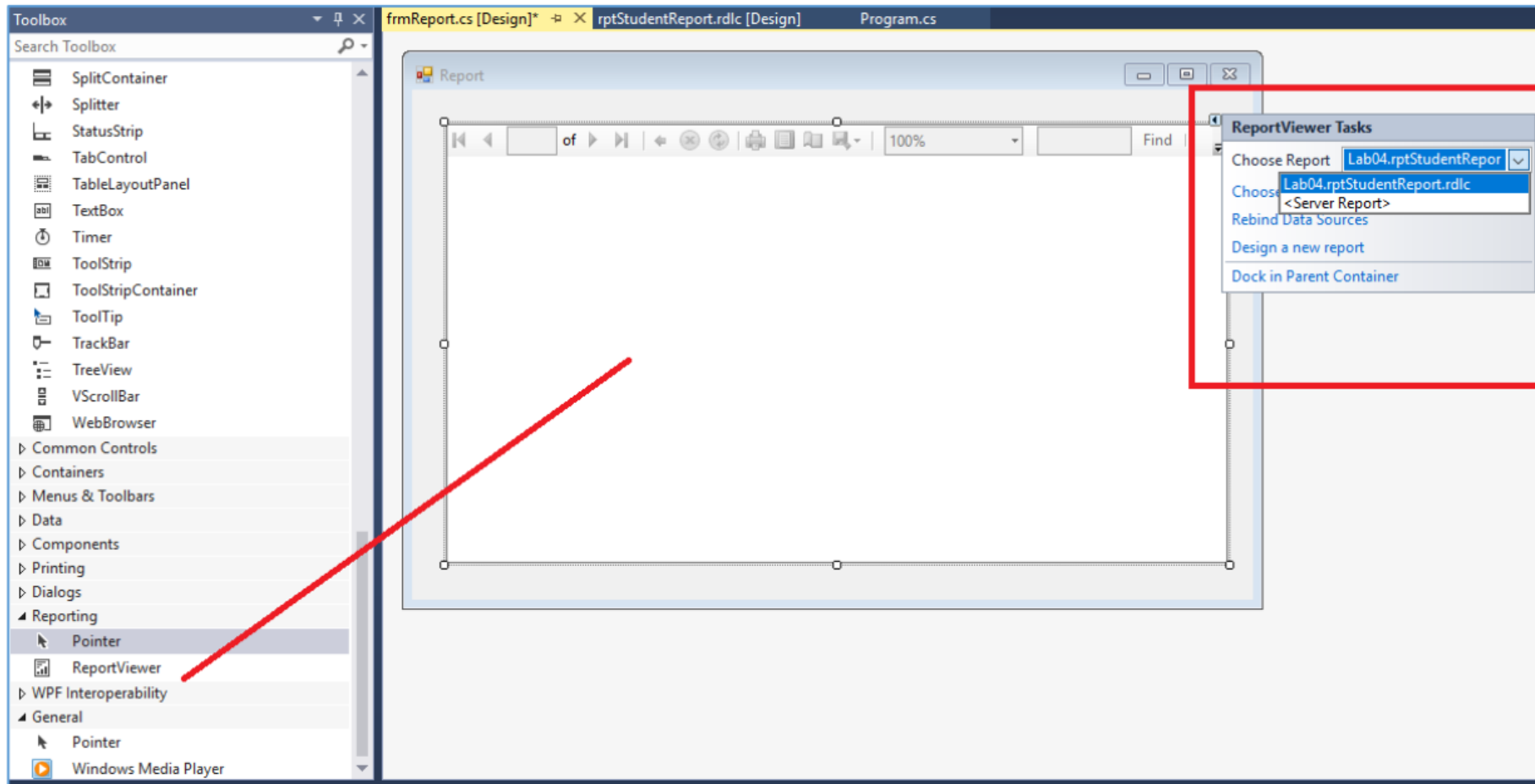
Below the header is a data table with four columns. The first row contains the column names, and the second row contains the corresponding dataset field names in brackets.

MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Địa chỉ
[StudentID]	[FullName]	[Birthday]	[Address]

1. CÁC BƯỚC TẠO DATA REPORT

Trường hợp 2: Lấy Dataset từ Database.

Bước 5: Sử dụng ReportViewer để gọi file RDLC Report vừa thiết kế.



1. CÁC BƯỚC TẠO DATA REPORT

Trường hợp 2: Lấy Dataset từ Database.

Bước 5: Sử dụng ReportViewer để gọi file RDLC Report vừa thiết kế.

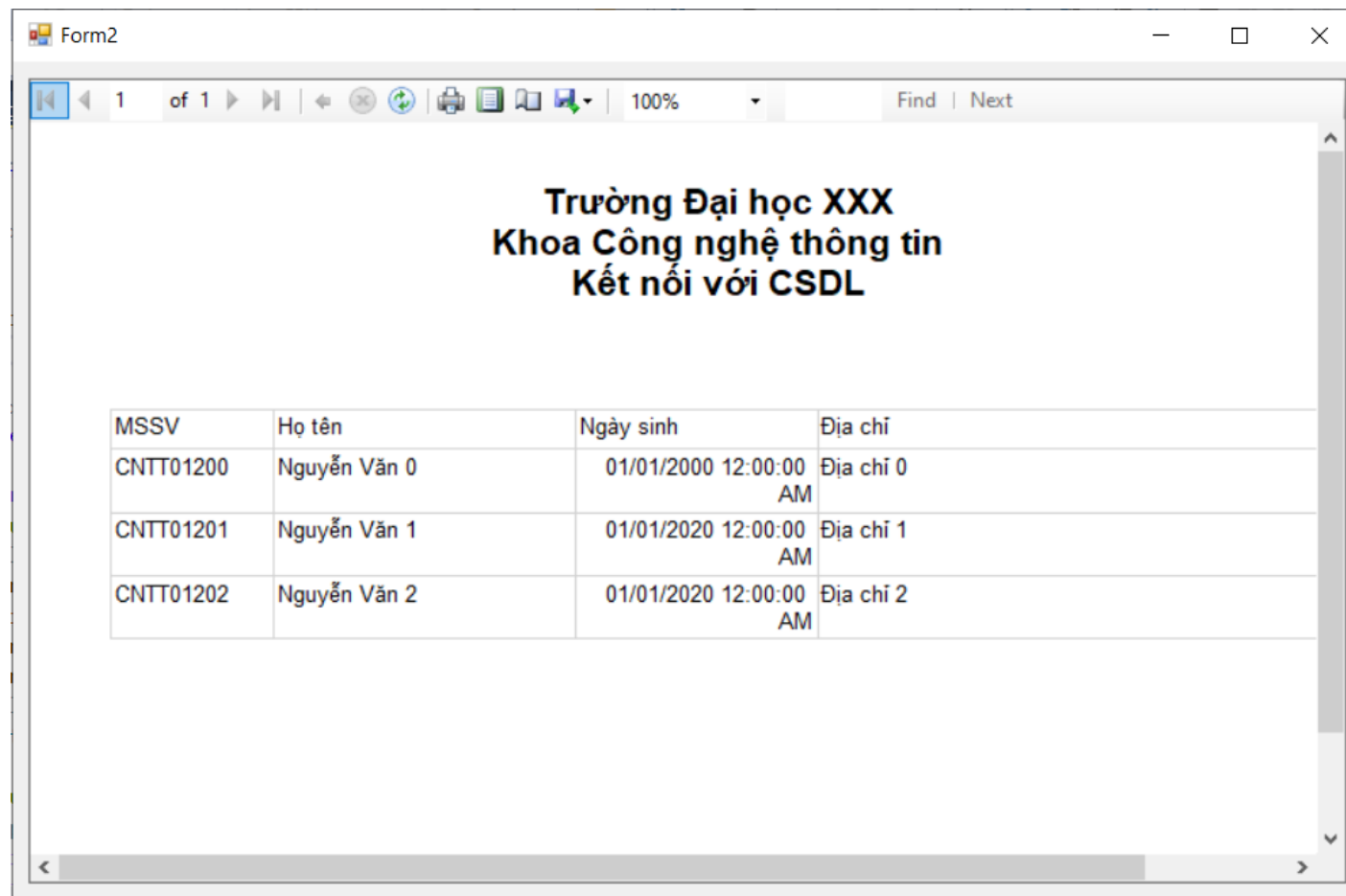
```
private void Form2_Load(object sender, EventArgs e)
{
    string connetionString;
    //using System.Data.SqlClient;
    SqlConnection cnn;
    connetionString = @"Data Source=THUNTA6789;
    Initial Catalog=ReportStudent;Integrated Security=True;User ID=sa;Password=demol23";
    cnn = new SqlConnection(connetionString);
    cnn.Open();
    SqlDataAdapter da = new SqlDataAdapter("Select * From Student", cnn);
    DataTable dt = new DataTable("DataSetStudentDataset");
    da.Fill(dt);
    //using Microsoft.Reporting.WinForms;
    ReportDataSource rds = new ReportDataSource("DataSetStudentDataset", dt);
    this.reportViewer1.LocalReport.DataSources.Clear();
    this.reportViewer1.LocalReport.DataSources.Add(rds);
    this.reportViewer1.RefreshReport();

    cnn.Close();
}
```

1. CÁC BƯỚC TẠO DATA REPORT

Trường hợp 2: Lấy Dataset từ Database.

Bước 5: Sử dụng ReportViewer để gọi file RDLC Report vừa thiết kế.



The screenshot shows a window titled "Form2" containing a ReportViewer. The report has a title "Trường Đại học XXX" and subtitle "Khoa Công nghệ thông tin". Below the title is a table with 4 columns: MSSV, Họ tên, Ngày sinh, and Địa chỉ. The table contains 3 rows of data. The ReportViewer interface includes a toolbar with navigation and printing icons, a status bar showing "1 of 1" pages, and a "Find | Next" search bar.

MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Địa chỉ
CNTT01200	Nguyễn Văn 0	01/01/2000 12:00:00 AM	Địa chỉ 0
CNTT01201	Nguyễn Văn 1	01/01/2020 12:00:00 AM	Địa chỉ 1
CNTT01202	Nguyễn Văn 2	01/01/2020 12:00:00 AM	Địa chỉ 2

2. TÙY CHỈNH TRONG RDLC REPORT

Sinh viên tìm hiểu mở rộng thông qua video hướng dẫn:

- Create RDLC Report in c# with SQL Server Step By Step:
https://www.youtube.com/watch?v=pV2rlwhhQ3g&ab_channel=SwiftLearn
- Sum function in rdlc report:
https://www.youtube.com/watch?v=oOfthJ1ev2E&ab_channel=SwiftLearn
- Sum expression in RDLC Report:
https://www.youtube.com/watch?v=MqWLtuTpLyw&ab_channel=FreestyleAutomation
- Create RDLC Report with parameters - C#:
https://www.youtube.com/watch?v=xuPN8IZiyvw&ab_channel=CsharpTutorials



Q & A